

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, ông Đinh Ngọc Phú.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 323/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 08/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị A**, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Đội 1, khu dân cư C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú: Số 1 E, thị trấn F, huyện F, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung B**, sinh năm 1982; ĐKKHKT, trú tại: Đội 1, khu dân cư C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Hải Dương.

Chị A có mặt; anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị A, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B được tự do tìm hiểu, anh chị chung sống với nhau từ năm 2012 đến ngày 18/01/2018 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại thị trấn F, huyện F, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống do chênh lệch về tuổi tác. Anh B còn có biểu hiện không chung thủy. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 6/2021 đến nay mỗi người một nơi việc ai người ấy làm không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng

với anh B không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B; Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoài I, sinh ngày 19/8/2012, Nguyễn Minh G, sinh ngày 28/3/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/12/2016. Từ khi ly thân các cháu ở cùng chị, chị có nguyện vọng được nuôi cả ba con nhưng anh B có nguyện vọng được nuôi cháu H, chị đồng ý. Chị có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoài I và cháu Minh G còn anh B chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai; Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án anh B trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị A. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh mãi chơi, có lúc không chung thủy với chị A, vợ chồng có cãi nhau và có lần anh đã đánh chị A. Đến nay, anh nhận thấy bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị A kiên quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận; Vợ chồng có 03 con chung, anh và chị A thống nhất sau khi ly hôn chị A nuôi cháu Hoài I và cháu Minh G, còn anh nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị A, anh B, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh B sinh sống thể hiện: Chị A, anh B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Trường hợp chị A vẫn cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Anh chị không có công sức đóng góp đối với gia đình hai bên.

Tại văn bản trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoài I và cháu Nguyễn Minh G thể hiện: Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Đỗ Thị A ly hôn anh Nguyễn Trung B; Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Nguyễn Hoài I, sinh ngày 19/8/2012, Nguyễn Minh G, sinh ngày 28/3/2014 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/12/2016 cho anh

B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, Chị A, anh B không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; Về án phí: Chị Đỗ Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị A xin ly hôn anh B. Anh B hiện cư trú tại thành phố Đ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A, anh B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị A, anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh B, anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, trường hợp chị A kiên quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân hai bên gia đình chị A, anh B thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử xét thấy chị A, anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị A ly hôn anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2]. *Về con chung:* Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Hoài I, sinh ngày 19/8/2012, Nguyễn Minh G, sinh ngày 28/3/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/12/2016. Hiện các cháu đang ở cùng chị A. Anh B có quan điểm sau khi ly hôn chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu I, cháu G, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu H không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai, chị A đồng ý. Cháu I, cháu G có nguyện vọng ở cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho các cháu cần tiếp tục giao cháu I, cháu G cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị A, anh B về việc không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị A, anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Chị A xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị A.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đỗ Thị A ly hôn anh Nguyễn Trung B.

- *Về con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Hoài I, sinh ngày 19/8/2012, Nguyễn Minh G, sinh ngày 28/3/2014 cho chị Đỗ Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05/12/2016 cho anh Nguyễn Trung B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị A, anh B không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- *Về án phí*: Chị Đỗ Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005345 ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị A đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Đỗ Thị A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Trung B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn F, huyện F, tỉnh Hải Dương để lưu hộ tịch (ĐKKH: 18/01/2018);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan

